

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2018/DS-PT
Ngày 16-10-2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Ông Đoàn Hoài Trí;
Bà Ngô Thị Bích Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2018/TLPT-DS ngày 16/7/2018 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 23/3/2018 của Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **189/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2018** giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vương Thị T1, sinh năm 1944; địa chỉ: Số nhà 19/2, tổ 2, khu phố K, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Thế K, sinh năm 1971; địa chỉ: 1/601, khu phố H, phường G, thị xã A, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1973; địa chỉ: 1/601, khu phố H, phường G, thị xã A, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Ông Đoàn Văn L; địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1944, có mặt.
 2. Bà Nguyễn Vương Thu T3, sinh năm 1983, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
 3. Ông Nguyễn Vương Thanh Q2, sinh năm 1987, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Cùng địa chỉ: Số nhà 19/2, tổ 2, khu phố K, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương.
4. Ông Nguyễn Minh H2, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 108, tổ 02, khu phố K, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
 5. Bà Đặng Ngọc H3, địa chỉ: Số 108, tổ 02, khu phố K, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.
 6. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1952; địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
 7. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1958; địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
 8. Bà Đoàn Thị T4, sinh năm 1988, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
 9. Bà Đoàn Thị Bích T5, sinh năm 1983, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
 10. Ông Đoàn Văn T6, sinh năm 1990, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
 11. Ông Đoàn Quốc T7, sinh năm 1995, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Cùng địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương.
12. Bà Nguyễn Thị T8, sinh năm 1957; địa chỉ: Khu phố B, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
 13. Ủy ban nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu phố 2, phường U, thị xã U, tỉnh Bình Dương, có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt.
- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Vương Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Bà Vương Thị T1 quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 850m² (đã trừ hành lang đường bộ) gồm 03 thửa 67, 68, 69 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu phố K, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Nguồn gốc đất là do bà T1 nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn B đối với thửa 67, tờ bản đồ 11, diện tích 300m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00812.QSDD/TU ngày 16/6/2000, của bà Ninh Thị L đối với thửa 68, tờ bản đồ 11, diện tích 300m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00813.QSDD/TU ngày 16/6/2000 và của ông Nguyễn Thành T9 đối với thửa 69 tờ bản đồ 11, diện tích 300m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00811.QSDD/TU ngày 16/6/2000, ba thửa đất nằm liền kề nhau và có chiều ngang là 15,3m. Sau đó, bà T1 có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với 03

thửa đất nêu trên. Ngày 17/3/2004, hộ bà Vương Thị T1 được UBND huyện (nay là thị xã) U cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 03259.QSĐĐ/TU với diện tích 850m². Giáp ranh thửa 67 (cạnh hướng Tây) của bà T1 là thửa 33 của bà H1 và ông L, giáp ranh thửa 69 (cạnh hướng Đông) là thửa 73 của ông H2, thửa đất của ông H2 giáp ranh thửa 74 của ông Nguyễn Văn M, khi phát hiện ông H2 lấn ranh sang đất bà T1 ngang 2,5m và dài hết đất thửa 69 của bà T1, khi bà T1 phát hiện trao đổi với ông H2 thì ông H2 không đồng ý nên bà T1 làm đơn tranh chấp, trong khi bà T1 tranh chấp thì ông H2 lại chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Thế K và bà Nguyễn Thị Q1. Về phía bà H1 và ông L thì lấn ranh ngang 0,4m, dài hết đất thửa 67 của bà T1. Do vậy, bà T1 khởi kiện yêu cầu bà H1 và ông L trả lại diện tích lấn chiếm là 21,5m² và ông K, bà Q1 với diện tích là 119,1m² (theo bản trích đo địa chính ngày 17/6/2013). Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, giữa bà H1, ông L và bà T1 thống nhất xác định ranh giới giữa thửa 67 và 33 nên bà T1 rút phần khởi kiện đối với bà H1 và ông L. Về phần khởi kiện ông K, bà Q1, bà T1 vẫn giữ yêu cầu. Bà T1 có yêu cầu Tòa án đo đạc lại phần đất tranh chấp. Theo kết quả đo đạc ngày 16/8/2016 thì phần đất tranh chấp có diện tích là 62,1m². Nguyên đơn bà T1 căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03259QSĐĐ/TU do UBND huyện (nay là thị xã) U cấp cho bà T1 ngày 17/3/2004 để cho rằng bị đơn ông K lấn chiếm đất của nguyên đơn vì theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho nguyên đơn có chiều ngang là 15,3m và khi ông H2 chuyển nhượng cho ông K và bà Q1 không đo đạc thực tế, không có sơ đồ bản vẽ thực địa thửa đất nhận chuyển nhượng, không có chữ ký của chủ sử dụng liên ranh nên bà T1 yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01221 do UBND huyện (nay là thị xã) U cấp cho ông K, bà Q1 ngày 01/6/2011 và buộc ông K, bà Q1 trả lại diện tích đất 62,1m² đã lấn chiếm thuộc thửa 69, tờ bản đồ số 11 toạ lạc phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương cho bà T1.

Tại bản tự khai ngày 02/5/2013, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thế K trình bày như sau: Ông Nguyễn Thế K và vợ là bà Nguyễn Thị Q1 là chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất số 73, tờ bản đồ số 11, đất toạ lạc tại thị trấn (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) U, tỉnh Bình Dương. Nguồn gốc của thửa đất nêu trên là do ông K, bà Q1 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Minh H2 vào năm 2011 với diện tích là 300m² (ngang 05m, dài 60m). Khi nhận chuyển nhượng thì ông K có liên hệ UBND thị trấn (nay là phường) T để xác nhận về tình trạng của thửa đất thì được biết đất không thuộc diện giải tỏa, không tranh chấp. Vì vậy, ông H2 đã làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho ông K, bà Q1. Hai bên có ra Văn phòng Công chứng U để làm thủ tục chuyển nhượng. Sau đó, ông K, bà Q1 đã làm thủ tục sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng thời chuyển mục đích sử dụng, tuy nhiên giá chuyển mục đích sử dụng đất cao quá nên ông K, bà Q1 không thực hiện nữa. Khi làm thủ tục thì có tiến hành đo đạc thực tế. Việc bà T1 khởi kiện là đất có tranh chấp trước đây thì ông K không biết. Nay bà T1 khởi kiện ông K, bà Q1 ra trước Tòa án nhân dân thị xã U yêu cầu ông K trả lại đất cho bà T1 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K, bà Q1 thì ông K không đồng

ý. Ông K đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Theo kết quả đo đạc đất của ông K, bà Q1 vẫn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, trong khi đất bà T1 dư so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rất nhiều. Bà T1 căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để khởi kiện ông K, bà Q1 trong khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T1 cũng không đo đạc thực tế nên ông K có đơn phản tố yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp số 03259QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) U cấp cho hộ bà Vương Thị T1 ngày 17/3/2004. Tại phiên toà, ông K rút đơn yêu cầu phản tố đối với bà T1.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Q1 trình bày: Vào năm 2011, bà Q1 và ông K có mua đất của ông H2, ngang 05m dài 60m, tổng diện tích là 300m². Lô đất này có ranh giới rõ ràng. Trước khi mua, bà Q1 và ông K có lên Ủy ban nhân dân thị trấn hỏi đất này có tranh chấp gì không thì được biết là đất này không có tranh chấp gì nên bà Q1 và ông K mới đồng ý mua đất này của ông H2. Năm 2012, ông K có lên Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) T, thị xã U, tỉnh Bình Dương để xin chuyển mục đích sử dụng đất thì đã được UBND phường T xác nhận. Sau đó, ông K viết đơn xin đo đạc lại diện tích để xác định vị trí chuyển mục đích sử dụng đất, đã có bản trích đo địa chính, có sơ đồ vị trí khu đất, có bản trích lục địa chính. Bà Q1 nhận thấy bà Q1 và ông K mua đất của ông H2 là hoàn toàn hợp pháp, đúng theo quy định của pháp luật. Nếu đất có tranh chấp thì bà Q1 và ông K đã không thể xác nhận đơn xin xác nhận tình trạng bất động sản không tranh chấp để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông H2 được. Bà Q1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Bà Q1 có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt bà Q1.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 và ông Đoàn Văn L thống nhất trình bày: Thừa đất số 33, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương được UBND huyện (nay là thị xã) U cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị H1 và ông Đoàn Văn L với diện tích 1.239m², sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00533 ngày 13/02/2006, trong diện tích 1.239m² có 200m² đất ở tại đô thị và 306m² đất trồng cây lâu năm và 733m² đất thuộc hành lang lộ giới chưa trừ hành lang đường đất. Theo bản trích lục địa chính ngày 09/11/2012 có điều chỉnh lại thông tin về thửa đất số 33, tờ bản đồ số 11 diện tích 1.239m² như sau: diện tích đất ở đô thị là 200m², diện tích đất trồng cây lâu năm là 1.039m² (diện tích đất thuộc hành lang an toàn đường bộ là 135m² (thuộc 1.039m²). Nguồn gốc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại phường T là do cha mẹ bà H1, ông L cho bà H1, ông L vào khoảng năm 1985-1986. Các công trình xây dựng trên thửa đất số 33, tờ bản đồ số 11 gồm có một căn nhà cấp bốn được bà H1, ông L xây dựng vào năm 1985-1986, một căn nhà do bà Đoàn Thị T4 xây dựng năm 2002, hai căn nhà cấp bốn xây dựng đã lâu nhưng không nhớ rõ năm xây dựng. Phần đất ở cạnh hướng Nam giáp đường bê tông, cạnh hướng Tây giáp đường ĐT 746, cạnh hướng Đông giáp phần đang tranh chấp với bà T1, cạnh hướng Bắc giáp căn nhà của bà H1, ông L đang cho người khác thuê lại, ranh giới giữa đất bà H1, ông L và bà T1 là tường gạch do

bà T1 xây dựng vào tháng 09/2012, khi bà T1 xây dựng hàng rào ranh này, gia đình bà H1 và ông L phát hiện ranh rào bị cong lún sang đất bà H1 và ông L nên có yêu cầu gia đình bà T1 xây điều chỉnh lại, không có việc gia đình bà H1, ông L lấn sang đất bà T1 và hứa trả lại diện tích đất đã lấn chiếm như phần trình bày của bà T1. Sau đó, giữa bà H1 và bà T1 đã thống nhất được ranh giới giữa thửa 33 và thửa 67, bà H1 đã trả lại cho bà T1 chiều ngang đất 45cm và chiều dài 13,55m và bà T1 đã xây dựng hàng rào theo ranh này (việc thống nhất ranh thể hiện tại biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/7/2015 của Tòa án nhân dân thị xã U). Bà H1 và ông L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt bà H1 và ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Ông Nguyễn Văn T2 là chồng của bà Vương Thị T1. Ông T2 thống nhất với lời trình bày của bà T1 và không bổ sung gì thêm. Ông T2 đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Vương Thu T3, ông Nguyễn Vương Thanh Q2 trình bày: Bà Nguyễn Vương Thu T3 và ông Nguyễn Vương Thanh Q2 là con ruột của bà Vương Thị T1. Bà T3, ông Q2 thống nhất với lời trình bày của bà T1 và không bổ sung gì thêm. Bà T3, ông Q2 đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T1 và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Bích T5, bà Đoàn Thị T4, ông Đoàn Thanh T6 và ông Đoàn Quốc T7 thống nhất trình bày: Hộ gia đình các ông, bà sử dụng thửa đất số 33, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khu phố B1, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Hiện trạng ranh đất vẫn còn hàng gạch bà T1 xây dựng nhưng bà T1 yêu cầu gia đình ông, bà trả 0,5m đất thì các ông, bà không đồng ý. Bà T4, bà T5, ông T6, ông T7 có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H2 trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương mà ông Nguyễn Thế K và bà Nguyễn Thị Q1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH01221 cấp ngày 11/6/2011 là ông Nguyễn Minh H2 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Thế K và bà Nguyễn Thị Q1 vào ngày 20/4/2011. Trước khi ông H2 chuyển nhượng đất cho ông K và bà Q1 thì ranh đất giữa đất ông H2 với thửa đất số 69 của bà Vương Thị T1 là hàng móng gạch xây không tô hiện tại vẫn còn trên đất. Hàng móng gạch này do ông H2 xây dựng năm 2010, khi ông H2 xây thì bà T1 không hề có ý kiến gì và sau khi xây dựng hàng móng gạch thì ông H2 trực tiếp đổ thêm mười mấy xe đất lên phần đất của ông H2 thì không ai có ý kiến gì. Từ khi ông H2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến khi ông H2 chuyển nhượng đất cho bà Q1 và ông K thì bà T1 không có tranh chấp gì, bằng chứng là nếu đất ông H2 có tranh chấp thì ông H2 không thể xin xác nhận tình trạng bất động sản theo đơn đề ngày 19/4/2011 để có thể hoàn tất thủ tục chuyển nhượng đất cho ông K, bà Q1. Việc ông H2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông K và bà Q1 là hoàn toàn hợp pháp và hiện nay ông

K, bà Q1 là chủ sử dụng đất, là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương nên ông H2 không còn liên quan gì đến vụ án này, do đó ông H2 đề nghị Tòa án không triệu tập ông H2 và giải quyết vụ án vắng mặt của ông H2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Ngọc H3 không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T8 trình bày: Bà T8 là chủ sử dụng thửa đất số 18, thửa đất số 19, tờ bản đồ số 11 diện tích 419m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00203/QSĐĐ-TU ngày 29/7/1999 do Ủy ban nhân dân huyện U cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T8. Đất của Bà T8 giáp ranh đất bà H1, ranh đất giữa Bà T8 và bà H1 đã có từ lâu, hai bên gia đình đã sử dụng đất ổn định từ lâu, không có tranh chấp, thống nhất hiện trạng sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông M là chủ quản lý, sử dụng thửa đất số 74, diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.080m². Ranh đất giữa gia đình ông M và ông K là hàng rào bằng gạch, xây móng kéo dài từ mặt đường đến hết ranh đất ông K, ranh đất là do bên ông K xây dựng. Hiện nay, trên phần đất của ông M đã xây dựng nhà ở ổn định. Đất của gia đình ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2000. Vào năm 2012, ông M làm thủ tục tách thửa cho con nhưng do đất bà T1 kiện tranh chấp nên chưa tách sổ được, ông M đã yêu cầu đo đạc lại và yêu cầu Tòa án giải quyết giữ nguyên hiện trạng, ông M không tranh chấp vì hiện nay tứ cận xung quanh đất ông M đã có hàng rào, ranh giới ổn định, ông M không tranh chấp gì với ai. Do điều kiện sức khỏe nên ông M không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên ông M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông Nguyễn Văn Đ là chủ sử dụng đất các thửa đất số 21, 22 tờ bản đồ số 11 đất tọa lạc tại phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Ranh đất giữa gia đình ông Nguyễn Văn Đ với ông Nguyễn Thế K và bà Vương Thị T1 là hàng rào lưới B40, có trụ xi măng do ông xây dựng đã lâu, đất của ông Đ đã xây dựng nhà trọ trên 10 năm. Hiện nay, ranh đất các bên đã sử dụng ổn định, có cột mốc rõ ràng và ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết giữ nguyên hiện trạng, ông Đ không tranh chấp vì hiện nay tứ cận xung quanh đất ông Đ đã có hàng rào, ranh giới ổn định, ông Đ không tranh chấp với ai hết. Do điều kiện sức khỏe nên ông Đ không thể có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa, ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã U trình bày:

Tại Công văn số 671/PTN&MT-ĐĐ ngày 07/10/2013 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện (nay là thị xã) U thể hiện việc cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số 03259/QSDĐ/TU ngày 17/3/2004 cho bà T1 không qua đo đạc thực tế; việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01221 ngày 01/6/2011 cho ông K, bà Q1 không qua đo đạc thực tế, căn cứ theo thửa đất trên Giấy chứng nhận đã cấp số 00851 ngày 30/10/2000 chuyển sang.

Tại Công văn số 1318/UBND-NC của UBND thị xã U ngày 26/5/2017 thể hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03259-QSDĐ/TU do UBND huyện (nay là thị xã) U cấp ngày 17/3/2004 cho hộ bà Vương Thị T1 tại thửa đất số 67, 68, 69 tờ bản đồ số 11, phường T được thể hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 9, 10, 11 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của hộ bà T1 không qua đo đạc thực tế, mà căn cứ trên cơ sở bản đồ địa chính được đo vẽ bằng phương pháp điều chỉnh vẽ ảnh hàng không; Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH 01221 do UBND huyện (nay là thị xã) U cấp ngày 01/6/2011 cho ông Nguyễn Thế K tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 11, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 23 Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Căn cứ theo mảnh trích lục địa chính (có đo đạc, chỉnh lý) số 381 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã U xác lập ngày 16/8/2016 thì các thửa đất số 69 và thửa đất số 73, tờ bản đồ số 11 có sai lệch diện tích so với thực tế sử dụng đất; Việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 01221 do UBND huyện (nay là thị xã) U cấp ngày 01/6/2011 cho ông Nguyễn Thế K, đề nghị Tòa án nhân dân thị xã U xử lý vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03259.QSDĐ/TU do UBND huyện (nay là thị xã) U cấp ngày 17/3/2004 cho hộ bà Vương Thị T1 đề nghị Tòa án nhân dân thị xã U xử lý đúng theo quy định pháp luật.

Người làm chứng ông Nguyễn Thành T9 trình bày: Ông T9 không có quan hệ họ hàng với nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ông T9 là người chuyển nhượng cho bà Vương Thị T1 thửa đất số 69, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại khu phố K, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Ông T9 nhận chuyển nhượng nguyên thửa đất 69, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại khu phố K, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương vào năm 2000. Khoảng hai tháng sau khi ông T9 nhận chuyển nhượng thửa đất trên thì ông T9 chuyển nhượng lại cho bà Vương Thị T1, diện tích đất ông T9 chuyển nhượng cho bà Vương Thị T1 là 300m², đất có chiều ngang 05m, chiều dài là 60m, đất ông T9 chuyển nhượng cho bà T1 là đất trống, không có ranh rào quanh thửa đất. Lúc đầu ông T9 và bà T1 chỉ lập giấy tay mua bán đất, đến ngày 24/12/2003 thì ông T9 và bà Vương Thị T1 ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để bà T1 thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông

T9 không biết về quá trình quản lý sử dụng đất và ranh giới thửa đất số 73, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, ông T9 không biết thêm thông tin nào khác.

Người làm chứng ông Nguyễn Tấn H4 trình bày: Ông H4 không có quan hệ họ hàng với bà Vương Thị T1 và ông Nguyễn Thế K, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Q1 và ông Đoàn Văn L, ông H4 là người trực tiếp đổ đất, sang lấp mặt bằng cho bà Vương Thị T1. Vào năm 2000, bà Vương Thị T1 có yêu cầu ông H4 đến đổ đất, sang lấp mặt bằng cho bà T1 tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại khu phố K, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, ông H4 không biết về quá trình sử dụng đất của bà Vương Thị T1 đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại khu phố K, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Ông H2 cũng không biết về ranh giới, tứ cận thửa đất tranh chấp. Ông H4 không biết thêm thông tin nào khác.

Biên bản xác minh ngày 06/3/2018 tại Văn phòng Công chứng U như sau: Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 4448, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/4/2011 giữa ông Nguyễn Minh H2 và bà Đặng Ngọc H3 với ông Nguyễn Thế K và bà Nguyễn Thị Q1 được công chứng đúng theo quy định pháp luật hiện hành. Văn phòng Công chứng U đã tiến hành công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên đúng theo trình tự và quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Theo biên bản xác minh ngày 16/7/2015 và 06/11/2017 tại UBND phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương:

Đối với việc xác nhận tình trạng bất động sản không có tranh chấp tại thời điểm ông Nguyễn Thế K và bà Nguyễn Thị Q1 nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Minh H2 thì Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện U (nay là phường T, thị xã U) có xác nhận vào đơn xác nhận tình trạng bất động sản là xác định đất không có tranh chấp đối với thửa 73, tờ bản đồ số 11 do ông Nguyễn Minh H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông H2 chuyển nhượng cho ông K và bà Q1 vì tại thời điểm này Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện U (nay là phường T, thị xã U) không nhận được hồ sơ tranh chấp đối với thửa đất này.

Đối với việc bà T1 cho rằng khiếu nại thửa đất 73, tờ bản đồ số 11 mà ông H2 chuyển nhượng cho ông K và bà Q1. Vào năm 2009, trước thời điểm ông H2 chuyển nhượng đất cho ông K và bà Q1, Ủy ban nhân dân phường T xác định: Vào thời điểm năm 2009, Ủy ban không nhận đơn tranh chấp nào liên quan đến thửa đất 73, tờ bản đồ số 11. Đối với giấy biên nhận đề ngày 06/3/2009 mà bà T1 cung cấp cho Tòa án mà người nộp là ông Nguyễn Văn T2, người nhận là ông Nguyễn Văn T10, hiện tại ông T10 đã nghỉ việc, Ủy ban cũng không nhận tài liệu, hồ sơ nào mà ông T10 bàn giao liên quan đến các giấy tờ theo biên nhận ngày 06/3/2009 mà Ông T2 cung cấp cho Tòa án.

Theo biên bản xác minh số 03 ngày 04/12/2013 của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện U (nay là phường T, thị xã U) thể hiện mục đích của việc xác minh để hòa giải theo đơn khiếu nại của bà T1. Trong biên bản thể hiện đất bà

T1 có chiều ngang khoảng 15,7m là đo theo tỷ lệ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T1. Còn phần ghi chiều ngang mặt tiền đường đất của bà T1 khoảng 13m là theo đơn khiếu nại của bà T1 (lấy mốc theo đơn khiếu nại để có căn cứ hòa giải). Ủy ban xác định việc đo này để làm căn cứ hòa giải tranh chấp.

Sau thời điểm bà T1 tranh chấp với ông K, bà Q1 và ông L, bà H1, Ủy ban nhân dân thị xã U có văn bản đề nghị đo đạc tổng thể hiện trạng sử dụng đất, thành lập bản đồ địa chính trên địa bàn thị xã U trong đó có phường T. Qua đo đạc, xác định tờ bản đồ số 11 có sai lệch so với hiện trạng sử dụng thực tế. Do vậy, đề nghị Tòa án liên hệ cơ quan có thẩm quyền để xác minh, làm rõ phần đất các đương sự tranh chấp có sai lệch với hiện trạng sử dụng đất không để có căn cứ giải quyết vụ án.

Theo tài liệu các đương sự cung cấp cho Tòa án là đơn xin đo đạc lại diện tích đề ngày 13/4/2009 của ông Nguyễn Văn T2 đối với các thửa đất số 67, 68, 69 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương có xác nhận của UBND phường T là xác nhận đề chủ sử dụng đất nộp hồ sơ tại Văn phòng đăng ký đất đai thị xã U để đo đạc, xác định lại diện tích đất, không phải đo đạc để giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất của chủ sử dụng đất vì tại thời điểm năm 2009, Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường T) thị xã U, tỉnh Bình Dương không nhận đơn tranh chấp nào liên quan đến thửa đất 73, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

Theo biên bản xác minh ngày 06/11/2017 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã U thể hiện đối với những trường hợp không thống nhất ranh đất thì sẽ không ban hành bản vẽ, do hồ sơ yêu cầu đo đạc đã quá lâu từ ngày 12/8/2009, không được thanh lý nên không còn lưu lại hồ sơ yêu cầu đo đạc này.

Bản án dân sự sơ thẩm 17/2018/DS-ST ngày 23/3/2018 của Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Thị T1 đối với bị đơn ông Nguyễn Thế K, bà Nguyễn Thị Q1 về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/4/2011 giữa ông Nguyễn Minh H2, bà Đặng Ngọc H3 với ông Nguyễn Thế K, bà Nguyễn Thị Q1; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01221 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) U cấp cho ông Nguyễn Thế K, bà Nguyễn Thị Q1 ngày 01/6/2011 và yêu cầu ông Nguyễn Thế K, bà Nguyễn Thị Q1 trả lại diện tích lấn chiếm là 62,1m² thuộc thửa 69, tờ bản đồ 11 tọa lạc tại phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Thị T1 đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Đoàn Văn L về việc yêu cầu trả lại diện tích 21,5m² thuộc thửa 67, tờ bản đồ 11 tọa lạc tại phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thế K đối với bà Vương Thị T1 về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp số

03259QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) U cấp cho hộ bà Vương Thị T1 ngày 17/3/2004.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, 02/4/2018 nguyên đơn bà Vương Thị T1 kháng cáo toàn bộ nội dung bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn giữ nguyên ý kiến. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự kháng cáo trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Theo Công văn 671 ngày 07/10/2013 thể hiện: Các đương sự đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không qua đo đạc thực tế nên số liệu về diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các đương sự đều không chính xác. Quá trình sử dụng đất, ông H2 đã xây dựng rào làm ranh đất giữa các đương sự từ năm 2010 nhưng nguyên đơn vẫn không có ý kiến gì. Từ đó đến nay, các đương sự đã sử dụng ranh đất rõ ràng, ổn định, lâu dài nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn được nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn bà Nguyễn Thị Q1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Vương Thu T3, ông Nguyễn Vương Thanh Q2, ông Nguyễn Minh H2, bà Đặng Ngọc H3, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn Đ, bà Đoàn Thị T4, bà Đoàn Thị Bích T5, ông Đoàn Văn T6, ông Đoàn Quốc T7, bà Nguyễn Thị T8 và Ủy ban nhân dân thị xã U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị H1 và ông Đoàn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/4/2011 giữa ông Nguyễn Minh H2, bà Đặng

Ngọc H3 với ông Nguyễn Thế K, bà Nguyễn Thị Q1; yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01221 ngày 01/6/2011 của Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) U cấp cho ông Nguyễn Thế K, bà Nguyễn Thị Q1 và yêu cầu ông Nguyễn Thế K, bà Nguyễn Thị Q1 trả lại diện tích lấn chiếm là 62,1m² thuộc thửa 69, tờ bản đồ 11, tọa lạc tại phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương vì cho rằng bị đơn đã lấn chiếm trái phép. Bị đơn cho rằng mình không có lấn đất vì theo kết quả đo đạc thực tế thì đất của mình bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, trong khi đất nguyên đơn thừa, nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua nghiên cứu hồ sơ thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có những sai sót như sau:

[2.1] Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2013 (Bút lục số 01 và 02), thể hiện họ tên người khởi kiện là bà Vương Thị T1; họ và tên người bị kiện là ông Nguyễn Minh H2 và ông Đoàn Văn L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thế K và bà Nguyễn Thị Q1. Tại đơn khởi kiện cùng ngày 22/02/2013 (Bút lục số 03 và 04), thể hiện họ tên người khởi kiện là bà Vương Thị T1; họ và tên người bị kiện là ông Nguyễn Minh H2 và bà Nguyễn Thị H1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thế K và bà Nguyễn Thị Q1. Tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2013 (Bút lục số 65 và 66), thể hiện họ tên người khởi kiện là bà Vương Thị T1; họ và tên người bị kiện là ông Nguyễn Minh H2, ông Nguyễn Thế K, bà Nguyễn Thị Q1 và bà Nguyễn Thị H1. Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/10/2013 (Bút lục số 129 và 130), thể hiện họ tên người khởi kiện là bà Vương Thị T1; họ và tên người bị kiện là ông Nguyễn Thế K, bà Nguyễn Thị Q1, bà Nguyễn Thị H1 và ông Đoàn Văn L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh H2. Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/02/2017 (Bút lục số 320, 321 và 322), thể hiện họ tên người khởi kiện là bà Vương Thị T1; họ và tên người bị kiện là ông Nguyễn Thế K và bà Nguyễn Thị Q1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh H2 và bà Đặng Ngọc H3. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/10/2013 (Bút lục số 129 và 130) và đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/02/2017 của nguyên đơn để xét xử. Tuy nhiên, theo nội dung 02 đơn khởi kiện bổ sung này, tư cách tham gia tố tụng của đương sự là có sự khác nhau không thống nhất.

[2.2] Tại 02 đơn khởi kiện cùng ngày 22/02/2013 (Bút lục số 01, 02, 03 và 04), bà Vương Thị T1 kiện ông Nguyễn Minh H2, ông L và bà H1, Tòa án sơ thẩm đã thông báo thụ lý vụ án (Bút lục số 58); Đơn khởi kiện ngày 06/5/2013 (Bút lục số 65 và 66), bà Vương Thị T1 kiện ông Nguyễn Minh H2, ông Nguyễn Thế K, bà Nguyễn Thị Q1 và bà Nguyễn Thị H1. Tòa án sơ thẩm đã thông báo thụ lý vụ án bổ sung (Bút lục số 156); Đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/10/2013 (Bút lục số 129 và 130), bà Vương Thị T1 kiện ông Nguyễn Minh H2, ông Nguyễn Thế K và bà Nguyễn Thị Q1 nhưng trong suốt quá trình tố tụng không có văn bản nào thể hiện bà T1 có rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông H2, nhưng Tòa án sơ thẩm vẫn giải quyết và không xem xét đến việc này là vi phạm khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Đơn khởi kiện ngày 06/5/2013, không được Tòa án cấp sơ thẩm xử lý. Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/10/2013, tuy nhiên đến 09/02/2015 mới ra thông báo nộp án phí (bổ sung); đồng thời ra thông báo thụ lý vụ án (bổ sung) cũng xác định thiếu, thừa yêu cầu bổ sung của đương sự và thành phần đương sự.

[2.4] Tòa án nhân dân thị xã U đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào các ngày 16/9/2016 (Bút lục số từ 254 đến 258) và ngày 26/10/2016 (Bút lục số từ 294 đến 298). Tuy nhiên, ngày 07/02/2017 Tòa án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn (yêu cầu mới: Hủy Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông H2, bà H3 và ông K, bà Q1 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông K) để giải quyết; Đồng thời, đến ngày 21/02/2017 lại chấp nhận đơn yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thế K; sau khi đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2.5]. Theo Thông báo số 01/TB ngày 09/4/2015 (Bút lục số 163 và 164) về việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự so với bản án sơ thẩm thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Ngọc H3, không được xác định trong thông báo; không có bất kỳ tài liệu tố tụng nào đề cập đến bà H3 nhưng bà H3 lại có tên tham gia tố tụng trong bản án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2.6] Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm việc với Cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để xác định diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất của người nào.

[2.7] Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn có các vi phạm như sau: Quyết định phân công Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử vụ án dân sự số 22/QĐ-TA ngày 28/9/2018 (Bút lục số 372); trong khi vụ án được xét xử ngày 23/3/2018. Bị đơn Nguyễn Thế K làm đơn phản tố ngày 21/02/2017 (Bút lục số 332), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại Ban hành thông báo nộp tạm ứng án phí (phản tố) ngày 20/02/2017 (Bút lục số 321). Bà Vương Thị T1, sinh năm 1944 theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà T1 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí, nhưng cấp sơ thẩm lại buộc bà T1 nộp án phí sơ thẩm và tạm ứng án phí phúc thẩm là không đúng.

Xét, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nên chưa đủ căn cứ để giải quyết vụ án; Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn; hủy bản án dân sự sơ thẩm để điều tra, xét xử lại cho đúng pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148; khoản 3 Điều 308; Điều 310 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Vương Thị T1.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 23/3/2018 của Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã U giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Vương Thị T1 không phải nộp.

Chi cục Thi hành án dân sự thị xã U hoàn trả cho bà Vương Thị T1 số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0013834 ngày 02/4/2018.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã U;
- TAND thị xã U;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Duyên Hằng

Nguyễn Trung Dũng

Ngô Văn Minh